

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2011/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 7 năm 2011

NGHỊ QUYẾT
Về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2011

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, báo cáo của các ngành chức năng tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hội đồng nhân dân tỉnh nhấn mạnh một số nội dung sau:

I. Về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2011.

Trong 6 tháng qua, bên cạnh những thuận lợi, tỉnh ta gặp không ít khó khăn, thách thức. Tình hình chính trị, kinh tế thế giới và các nước trong khu vực biến động phức tạp, khó lường; kinh tế nước ta tiếp tục chịu ảnh hưởng nhiều mặt từ diễn biến bất lợi của kinh tế thế giới, nhất là lạm phát tăng cao.

Với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị cùng với nhân dân và doanh nghiệp, kinh tế của tỉnh đã có những chuyển biến tích cực trên nhiều ngành, lĩnh vực. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 13,5%; giá trị sản xuất ngành công nghiệp tăng 22,4%, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 20,6% so với cùng kỳ năm trước; nhiều dự án đầu tư đã phát huy hiệu quả, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2011-2016 trên địa bàn tỉnh thành công tốt đẹp. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, trật tự an toàn xã hội ổn định.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế: một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu đạt thấp, vụ lúa Đông Xuân mất mùa nặng, năng suất giảm 5 tạ/ha và sản lượng giảm 18,2 ngàn tấn (8,8%) so với cùng vụ năm 2010; nuôi trồng thủy sản gặp khó khăn do dịch bệnh, ngư trường khai thác thu hẹp; kim ngạch xuất khẩu đạt thấp (30,16% KH); thu nội địa đạt thấp, trong đó thu tiền sử dụng đất chỉ đạt 12,3% dự toán năm; chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2011 tăng 11,96% so với tháng 12/2010, mức tăng cao nhất trong những năm gần đây; tình hình triển khai các dự án và giải ngân vốn ngân sách nhà nước chậm; hoạt động của một số doanh

nghiệp gặp nhiều ách tắc; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư còn nhiều trở ngại; đời sống của một bộ phận cán bộ và nhân dân có thu nhập thấp gặp nhiều khó khăn.

II. Một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2011:

1. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII. Tổ chức thực hiện tốt các Nghị quyết vừa được HĐND tỉnh khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 2, đặc biệt là các Nghị quyết về đẩy mạnh phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020; phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

Khẩn trương triển khai xây dựng các kế hoạch, đề án, chương trình... đã được xác định tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 13/12/2010 của HĐND tỉnh về chương trình xây dựng Nghị quyết năm 2011 của HĐND tỉnh, trình HĐND tỉnh thông qua theo đúng kế hoạch để tổ chức thực hiện; xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2012. Xây dựng và thông qua các quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm,... Hoàn thành việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố.

2. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, các công trình lớn, trọng điểm của tỉnh và giải ngân hết vốn ngân sách, vốn trái phiếu Chính phủ thuộc kế hoạch năm 2011 và thực hiện chính sách tài chính thắt chặt, cắt giảm đầu tư công theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ. Đẩy mạnh huy động các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển; tranh thủ tối đa các nguồn vốn từ Trung ương; tăng cường công tác ngoại giao kinh tế để thu hút các nguồn vốn FDI, NGO, ODA... phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

3. Ưu tiên nguồn lực để bảo đảm thực hiện có kết quả nhiệm vụ đột phá phát triển công nghiệp và đô thị, trong đó chú trọng tháo gỡ khó khăn về cơ chế và vốn nhằm đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các đô thị, Khu kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Tăng cường kiểm tra, xử lý ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, Khu Kinh tế Dung Quất, các đô thị và các địa phương.

4. Tiếp tục tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch; đẩy mạnh xuất khẩu. Tăng cường quản lý thị trường, đặc biệt là việc chấp hành quy định của Nhà nước về quản lý giá, nhất là đối với các mặt hàng thiết yếu. Theo dõi, kiểm tra chặt chẽ việc triển khai thực hiện chính sách thương mại nội địa; tiếp tục tuyên truyền, vận động cán bộ, nhân dân trong tỉnh thực hiện có hiệu quả cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.

5. Tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Có biện pháp tích cực nhằm tăng năng suất và sản lượng cây trồng, vật nuôi vụ Hè Thu, nhất là lương thực để bù lại sản lượng lương thực bị hụt ở vụ Đông Xuân.

Tăng cường công tác phòng và chữa cháy rừng trong mùa khô; thường xuyên kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn tình trạng khai thác, mua bán, vận chuyển gỗ và lâm sản trái phép. Chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh và phòng, chống rét cho gia súc, gia cầm trong mùa đông; kiểm soát tình hình dịch bệnh thủy sản nuôi trồng, đặc biệt là dịch bệnh tôm. Tổ chức thực hiện tốt công tác phòng, chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn, hạn chế tối đa thiệt hại về người và tài sản của nhân dân.

6. Tiếp tục theo dõi, giám sát các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh trong việc thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ và Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 01/3/2011 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thực hiện giải pháp tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội.

7. Thực hiện tốt việc điều hành ngân sách Nhà nước trên cơ sở Nghị quyết của HĐND tỉnh và theo đúng quy định của Chính phủ; phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, hạn chế tối đa việc bổ sung ngoài dự toán. Tổ chức rà soát, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế của các đơn vị, cá nhân trên địa bàn tỉnh, đôn đốc đẩy mạnh công tác thu ngân sách để bù đắp các khoản hụt thu và tập trung thu từ khai thác quỹ đất... nhằm phấn đấu đạt dự toán thu cả năm 2011. Kiểm tra các khoản tạm ứng, việc vay và nợ vay của tỉnh trong năm 2011 để có kế hoạch hoàn ứng, trả nợ theo quy định.

8. Nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất và đời sống. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản; quản lý chặt chẽ dịch vụ Internet, quảng cáo. Tiếp tục đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cộng đồng từng bước đáp ứng các nhu cầu hoạt động văn hóa, sinh hoạt cộng đồng của nhân dân. Tiếp tục thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên; chuẩn bị tốt các điều kiện cho năm học 2011 - 2012. Đẩy mạnh công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm; làm tốt công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; tăng cường kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh, nhất là bệnh tay, chân, miệng ở trẻ em để có biện pháp xử lý kịp thời, dứt điểm. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia, công tác giảm nghèo, tạo việc làm.

9. Thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội theo chương trình, dự án, kế hoạch đã được phê duyệt. Tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30a tại 6 huyện miền núi; hỗ trợ các hộ nghèo, địa phương nghèo xuất khẩu lao động; cho vay đối với học sinh, sinh viên. Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng các quy định hỗ trợ đối tượng chính sách, người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

10. Chú trọng xây dựng bộ máy chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ. Phối hợp thực hiện xét tuyển trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học tham gia Dự án 600 Phó Chủ tịch xã. Thực hiện có hiệu quả Đề án 30 của Thủ tướng Chính phủ về công khai, minh bạch, rút

ngắn thời gian giải quyết công việc cho tổ chức và công dân. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, nhất là trong lĩnh vực đất đai, khoáng sản, tài chính, đầu tư công. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 49/NQ-TW của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Áp dụng các biện pháp để đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có hiệu quả. Tập trung chỉ đạo rà soát, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri; các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng kéo dài, không để diễn biến phức tạp trở thành “điểm nóng”, nhất là các vụ việc đã có quyết định, kết luận giải quyết của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa được thực hiện; kịp thời giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh.

11. Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác bảo vệ chủ quyền vùng biển, tập trung lực lượng, phương tiện đấu tranh phòng, chống tàu thuyền nước ngoài xâm phạm lãnh hải trái phép; xây dựng kế hoạch, giải pháp hỗ trợ cho ngư dân để có điều kiện tiếp tục bám biển sản xuất và tham gia bảo vệ chủ quyền biển, đảo quốc gia. Triển khai công tác gọi công dân nhập ngũ đợt II, huy động lực lượng dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật đảm bảo hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao. Xây dựng công trình quốc phòng đúng tiến độ và tổ chức diễn tập cơ chế cho 3 huyện và 25% xã, phường, thị trấn. Tiếp tục triển khai các biện pháp trấn áp tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội; kiểm chế tai nạn giao thông.

Điều 2. Thống nhất bổ sung danh mục dự án chuẩn bị đầu tư vào Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2011 của tỉnh theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 1923/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 (có danh mục kèm theo).

Điều 3.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Hội đồng nhân dân tỉnh kêu gọi các cấp, các ngành, quân và dân trong tỉnh nêu cao tinh thần thi đua yêu nước, đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu, tận dụng thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2011.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI thông qua ngày 19 tháng 7 năm 2011, tại kỳ họp thứ 2./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toàn

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN BỔ SUNG NĂM 2011 DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2011/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2011 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	CHỦ ĐẦU TƯ	ĐỊA ĐIỂM	QUY MÔ	DỰ KIẾN TMBĐT	NGUỒN VỐN	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG				<u>4.063.669</u>		
	I, Các Sở, ngành				<u>2.243.500</u>		
	I.1- Ngành GTVT				<u>1.778.500</u>		
1	Đường ven biển Dung Quất Sa Huỳnh (GD II)	Sở Giao thông Vận tải	tỉnh Quảng Ngãi	68,81 km (Quảng Ngãi đến Sa Huỳnh)	1.778.500	Vốn TPCP	
	I.2- Ngành Nông nghiệp:				<u>115.000</u>		
2	Cảng neo trú tàu thuyền và cửa biển Mỹ Á	Sở NN&PTNT	Xã Phỏ Quang, huyện Đức Phổ	Đê nam nổi dài: 230m; Đê bắc nổi dài: 200m; Đê chắn cát - ngăn lũ nổi dài: 110m, nạo vét luồng 60m...	115.000	Nguồn WB5	
3	Khu neo đậu tránh trú bão tàu cá Sa Huỳnh (Giai đoạn II)	Sở NN&PTNT	huyện Đức Phổ	Đê nam nổi dài: 260m; Đê bắc: 460m;	250.000	Vốn TW	

	I.3- Ngành VH-TT-DL					350.000	
4	Nhà thi đấu thể dục thể thao Đa năng	Sở VH-TT-DL	TP Quảng Ngãi	Khoảng 5ha. Công suất 4000 chỗ ngồi phục vụ thi đấu toàn bộ các môn trong nhà	Vốn TW	350.000	
	II- Do các huyện, thành phố đề nghị					1.773.411	
	II.1- Thành phố Quảng Ngãi					188.261	
5	Kè chống sạt lở bờ nam sông Trà Khúc tại Bàu Công 2, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi	UBND TP Quảng Ngãi	P. Quảng Phú, TPQN	L=719,20m	Vốn chống sạt lở TW, và nguồn thu từ khai thác cát	20.261	
6	Cải tạo và gia cố kênh Tư Nghĩa (đoạn từ sông Trà Khúc đến sông Bàu Giang)	UBND TP Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Bảo vệ bờ kênh có chiều dài 15 km	Vốn ODA và vốn ngân sách (đôi ứng)	168.000	
	II.2- Huyện Bình Sơn					4.350	
7	Khắc phục sạt lở thôn Phước Thiện	UBND huyện Bình Sơn	xã Bình Hải, huyện Bình Sơn	cải tạo, gia cố các tuyến mương và công trình thoát nước, gia cố kè bị sạt lở	Vốn khắc phục lũ lụt	4.350	
	II.3 Huyện Mộ Đức					25.000	
8	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đá Bàn	Cty TNHH MTV Khai thác CTTL Quảng Ngãi	Xã Đức Tân, Huyện Mộ Đức	Sửa chữa, nâng cấp đập đất, mở rộng tràn xả lũ...	Nguồn vốn thuộc dự án Quản lý rủi ro thiên tai Quảng Ngãi (WB5)	25.000	
	II.4 Huyện Lý Sơn					613.800	

9	Các tuyến đề huyện đảo Lý Sơn	UBND huyện Lý Sơn	Lý Sơn	Đê chống sạt lở L = 4.446,12m	613.800	Nguồn vốn TW và các nguồn hợp pháp khác
	II.5- Huyện Trà Bồng				22.800	
10	Kè chống sạt lở hai bên bờ sông thị trấn Trà Xuân, huyện Trà Bồng (gđ2)	UBND huyện Trà Bồng	Đoạn Suối Bồi thuộc Thị trấn Trà Xuân, Trà Bồng	L=2.235m; trong đó Bờ hữu 1.000m, bờ tả 1.235m	22.800	Xin ngân sách TW hỗ trợ khắc phục lũ lụt
11	Kè chống sạt lở Tà Man	UBND huyện Sơn Hà	Thị trấn Di Lăng	Kè trái = 1945 m, kè phải 2730 m, đường rộng 11,5 bằng BTXM	222.000	Xin vốn TW
12	Kè sông Rin (giai đoạn II)	UBND huyện Sơn Hà	Thị trấn Di Lăng	Chiều dài kè 2,590 m, đường giao thông 2,600 m	220.000	Vốn xin TW
13	II.7- Huyện Ba Tơ Kè chống sạt lở sông Liên, sông Tô thuộc xã Ba Chùa, Ba Cung và thị trấn Ba Tơ huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Ba Tơ	xã Ba Chùa, Ba Cung và thị trấn Ba Tơ huyện Ba Tơ	Tổng chiều dài kè 7 km	432.200 432.200	Vốn cấp bách công trình sạt lở đê điều
14	II.8- Huyện Nghĩa Hành Hồ chứa nước suối Đá, xã Hành Tín Tây	UBND huyện Nghĩa Hành	Xã Hành Tín Tây	Tưới 300 ha	45.000 45.000	Xin vốn TW
	III- Các dự án Quy hoạch				46.758	

15	Quy hoạch các xã thuộc chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	166 xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi	quy hoạch các xã thuộc tỉnh Quảng Ngãi	43.258	Vốn sự nghiệp kinh tế
16	Quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	UBND huyện Đức Phổ	Huyện Đức Phổ	Diện tích 37,167 ha	3.000	Vốn sự nghiệp kinh tế
17	Quy hoạch phát triển GTVT tỉnh giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (kể cả giao thông thủy)	Sở Giao thông Vận tải	tỉnh Quảng Ngãi		500	

PHẦN THUYẾT MINH

Tổng nhu cầu vốn:

- Trong đó: + Vốn TPCP
- + Vốn chống sạt lở đê điều và các nguồn vốn khác của TW
- + Vốn ODA
- + Vốn Sự nghiệp kinh tế

4.063.669

1.778.500

1.930.411

308.000

46.758

triệu đồng
triệu đồng

triệu đồng

triệu đồng

triệu đồng
triệu đồng